PHÒNG GD- ĐT GIA LÂM

TRƯỜNG THCSTT YÊN VIÊN

**MA TRẬN ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH VÀO 10**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CHỦ ĐỀ | NHẬN BIẾT | THÔNG HIỂU | VẬN DỤNG | VẬN DỤNG CAO | Số câu |
| KIẾN THỨC CHUNG | - phân loại chất- PTHH- Tỉ khối- Nồng độ dd- ĐLBTKL |  |  | Xác định tên nguyên tố dựa vào cấu tạo nguyên tử | 6 |
| HỢP CHẤT VÔ CƠ – MQH | * Tên gọi, CTHH của chất
* Phân loại hợp chất
* Tính chất của chất
 | * Xác định cặp chất phản ứng
* Bài toán tính theo CTHH, PTHH dạng cơ bản
* Nhận biết
 | -Bài toán tính theo PTHH liên quan đến chất dư, hiệu suất phản ứng … | * Bài toán về phản ứng của oxit axit với dd kiềm
* Bài toán áp dụng ĐLBTKL
* …
 | 16 |
| KIM LOẠI – PHI KIM | * Ý nghĩa dãy hoạt động hóa học của kim loại
* TCHH chung của kim loại, phi kim
 | * Bài tập tính theo PTHH
 | * Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các NTHH
 |  | 4 |
| HỢP CHẤT HỮU CƠ | * Đặc đểm cấu tạo hợp chất
* Tên gọi, CTCT của hợp chất
 | * Xác định cặp chất phản ứng
* Bài toán tính theo CTHH, PTHH dạng cơ bản
 | * Xác định chất dựa vào TCHH
 | * Bài toán liên quan đến TCHH của các hợp chất hữu cơ
 | 14 |
| Số câu | 20 | 10 | 6 | 4 |  |

PHÒNG GD – ĐT GIA LÂM ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH VÀO 10

TRƯỜNG THCSTT YÊN VIÊN Thời gian: 60 phút

Họ tên HS: …………………………..

**MÃ ĐỀ 001**

**Câu 1**: Cho sơ đồ phản ứng: Fe + Cl2 → FeCl3. Tổng hệ số nguyên tối giản của các chất trong PTHH của phản ứng trên là:

1. 3 B.5 C.6 D.7

**Câu 2**: Đốt cháy hết 4,5g Mg trong không khí thu được 7,5g MgO. Khối lượng của oxi đã tham gia phản ứng là:

1. 3g B.3,5g C.4g D.6g

**Câu 3**: CTHH của barinitrat là:

1. BaNO3 B.Ba(NO3)2 C. Ba(NO3)3 D.Ba2NO3

**Câu 4**: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit là

A. K2O. B. CuO. C. P2O5. D. CaO.

**Câu 5**: Axit sunfuric có công thức hóa học là:

1. HCl B. H2S C. H2SO4 D. H2SO3

**Câu 6**: Dung dịch của chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển sang màu đỏ?

A. HCl B. NaOH C. NaCl D. BaCl2

**Câu 7**: Trong số các dãy chất có CTHH sau, dãy chất nào gồm toàn oxit?

A. CO2, NaHCO3, HNO3. B. HCl, NaOH, HNO3.

C. Fe2O3, CuO, SO3.D. HCl, HNO3, H2SO4.

**Câu 8**: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

1. Nhiều phi kim tác dụng với oxi tạo thành oxit axit
2. Các phi kim tác dụng với hidro đều tạo thành hợp chất khí.
3. Các phi kim tác dụng với kim loại đều tạo thành muối.
4. Phần lớn các phi kim không dẫn điện, không dẫn nhiệt.

**Câu 9**: Chất X khi cháy có PTHH: X +3O 2 → 2CO2 + 2H2O. CTPT của X là:

 A. C2H4 B. CH4  C. C2H2 D. C6H6

**Câu 10**: CH4 ; C2H4 ;C2H2 đều tham gia phản ứng:

1. Cộng với hidro. B. Cộng brom. C. Trùng hợp. D. Đốt cháy.

**Câu 11**: Công thức cấu tạo thu gọn của axit axetic là:

1. CH3OH B. C2H5OH C. CH3COOC2H5 D. CH3COOH.

**Câu 12**: Rượu etylic tan nhiều trong nước vì trong phân tử có:

1. hai nguyên tử Cacbon B. sáu nguyên tử Hidro

C. nhóm – OH D. hai nguyên tử Cacbon và sáu nguyên tử Hidro

**Câu 13:** Độ rượu là:

A. số ml rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

B. số ml nước có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

C. số gam rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

D. số gam nước có trong 100 gam hỗn hợp rượu với nước.

**Câu 14:** Thép là hợp kim của sắt với cacbon và một số nguyên tố khác, trong đó hàm lượng cacbon chiếm:

A. Trên 2% B. Dưới 2% C. Từ 2% đến 5% D. Trên 5%

**Câu 15**: Khi thả một cây đinh sắt sạch vào dung dịch CuSO4 loãng, có hiện tượng sau:

A. Sủi bọt khí, màu xanh của dung dịch nhạt dần.

B. Có một lớp đồng màu đỏ phủ lên đinh sắt, màu xanh của dung dịch đậm dần.

C. Có một lớp đồng màu đỏ phủ lên đinh sắt, dung dịch không đổi màu.

D. Có một lớp đồng màu đỏ phủ lên đinh sắt, màu xanh của dung dịch nhạt dần

**Câu 16**: Dung dịch KOH tác dụng với chất nào sau đây tạo thành muối và nước ?

A. Ca(OH)2 B. H2SO4 C. Na2CO3 D. FeCl3.

**Câu 17**: Chất nào sau làm mất màu clo khi chiếu sáng?

A. CH3 – CH3 B.  C.CH$≡$CH D. CH3 – CH= CH2

**Câu 18**: Khi đun nóng chất béo với kiềm, sản phẩm tạo ra là:

1. Glixerol và muối của các axit béo. B. Rượu etylic và muối của các axit béo.

C. Glixerol và các axit béo. D. Rượu etylic và natri axetat.

**Câu 19**: Chất có khả năng tham gia phản ứng tráng gương là:

1. Chất béo B. glucozơ C. Saccarozơ D. etyl axetat

**Câu 20**: Dãy kim loại được sắp xếp theo chiều hoạt động hóa học tăng dần:

1. K, Al, Mg, Cu, Fe. B. Cu, Fe, Mg, Al, K.

C. Cu, Fe, Al, Mg, K. D. K, Cu, Al, Mg, Fe.

**Câu 21**: Hợp chất X có trong thành phần khí ga để đun nấu ... Thành phần % theo khối lượng của các nguyên tố trong X là 18,18%H và 81,82%C. Tỉ khối của X so với hidro là 22. CTHH của X là:

1. C3H8 B.C3H6 C.C4H10 D.C4H8

**Câu 22**: Sau phản ứng điều chế, khí SO2 có lẫn hơi nước được dẫn qua bình có chứa các hạt chất T. T là chất nào sau đây?



A. KOH

B. NaOH

C. CaO

D. P2O5

**Câu 23**: Cho H2O, Na2O, SO2 và H2SO4. Số cặp chất có thể phản ứng được với nhau từng đôi một là:

A. 4 B. 5 C. 3 D. 2

**Câu 24**: Thể tích dung dịch HCl 2M cần dùng để trung hoà hết 100ml dd NaOH 1M là**:**

1. 100ml B. 200ml C. 50ml D.150ml

**Câu 25**: Hoà tan 6,2g Na2O vào 193,8 g nước thì được dung dịch A. Nồng độ phần trăm của dung dịch A là:

 A. 4%. B. 6%. C. 8% D. 10%

**Câu 26**: Cho 10,5 gam hỗn hợp hai kim loại Zn, Cu vào dung dịch H2SO4 loãng dư, người ta thu được 2,24 lít khí (đktc). Khối lượng kim loại Cu trong hỗn hợp ban đầu là:

 A. 4g B. 6,4g C. 6,5g D. 65g

**Câu 27**: Cho sơ đồ phản ứng : Al $→$ X (Rắn) $→$ Y (Rắn)  $→$ Z (Rắn) . Z có công thức là :

 A. AlCl3 B. Al2O3 C. Al(OH)3 D. NaAlO2.

**Câu 28**: Đốt cháy 4,48 lít metan, thể tích oxi cần dùng ở điều kiện tiêu chuẩn là:

A. 8,96 lít B. 13,44 lít C. 4,48 lít D. 44,8 lít

**Câu 29**: Biết rằng 4,48 lít khí etilen làm mất màu 50 ml dung dịch brom. Nếu dùng 4,48 lit khí axetilen thì có thể làm mất màu bao nhiêu mililít dung dịch brom trên (các khí đo ở đktc)?

 A. 100ml B. 120ml C. 150ml D. 200ml

**Câu 30**: Cho các cặp chất sau: (1) Cl2 và O2 (2) Cl2 và Cu (3) S và O2 (4) Cl2 và Br2 những chất trong cặp chất nào có thể phản ứng với nhau:

 A. (1) và (2) B. (3) và (4) C. (2) và (3) D. (1) và (4)

**Câu 31**: Thuốc thử dùng để phân biệt rượu etylic và axit axetic là:

1. Dung dịch H2SO4 B. Na C. dung dịch Na2CO3 D. Nước

**Câu 32**: Hoà tan 9 g hợp kim nhôm – magiê vào dd H2SO4 dư thu được 10,08 lít khí H2 (đktc). Thành phần % khối lượng của Al và Mg trong hợp kim lần lượt là:

A. 50% và 50% B. 60% và 40% C. 40% và 60% D. 39% và 61%

**Câu 33**: Cho 100 gam hỗn hợp gồm 2 kim loại Fe, Cu vào dung dịch CuSO4 dư sau phản ứng thấy khối lượng chất rắn thu được tăng thêm 4 gam so với ban đầu . Vậy % khối lượng của Cu trong hỗn hợp ban đầu là :

 A. 100% B. 72% C. 32% D. 28%

**Câu 34**: Khi lên men 36 gam glucozơ (biết hiệu suất lên men đạt 75%), thu được V ml rượu etylic (D = 0,8 g/ml). Giá trị của V là:

1. 17,25 B. 13,80 C.23,00 D.11,04

**Câu 35**: Hợp chất hữu cơ Y vừa tác dụng với Na, vừa tác dụng với dung dịch NaOH. Công thức nào sau đây phù hợp với tính chất của Y?

1. H2O B. C2H5OH C. CH3COOC2H5 D. CH3COOH.

**Câu 36**: Dùng 4,48 lít khí H2 (đktc) để khử 20g CuO. Khối lượng Cu thu được là:

A. 16 B. 12,8 C. 10 D. 8

**Câu 37**: Tổng số hạt p, n, e trong nguyên tử nguyên tố X là 34. Trong đó số hạt không mang điện ít hơn số hạt mang điện là 10. Nguyên tố X là:

1. Natri B.Mag ie C. Nhôm D. Nitơ

**Câu 38**: Hóa trị cao nhất của nguyên tố Y với oxi là Y2O5. Trong hợp chất của Y với hiđro thì Y chiếm 91,18% theo khối lượng. Tên của Y là nguyên tố nào sau đây?

 A. Clo B. Photpho C. Nitơ D. lốt

**Câu 39**: Hấp thụ hoàn toàn 8,96 lít CO2 (đktc) vào 100 ml dung dich Ba(OH)2 2,5M. Khối lượng kết tủa thu được là:

A. 49,25g B. 78,80g C. 19,70g D. 29,55g

**Câu 40**: Cho 14,5 g hỗn hợp Mg, Zn, Fe tác dụng hết với dung dịch H2SO4 loãng thấy thoát ra 6,72 lít H2 ở đktc. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thì khối lượng muối khan thu được là:

A. 34,2 g B. 43,3 g C. 33,4 g D.43,9 g

**Cho: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5;**

**Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108**

PHÒNG GD – ĐT GIA LÂM ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH VÀO 10

TRƯỜNG THCSTT YÊN VIÊN Thời gian: 60 phút

Họ tên HS: ……………………………..

**MÃ ĐỀ 002**

**Câu 1**: Cho các chất: CuO, Fe, O2, CaCO3, NaNO3, NH3, P2O5. Số hợp chất trong đó là:

1. 2 B.3 C.4 D.5

**Câu 2**: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

A. CO2 B. Na2O. C. SO2 D. P2O5

**Câu 3:** Công thức cấu tạo thu gọn của rượu etylic là:

A. CH3OH B. C2H5OH C. CH3COOC2H5 D. CH3COOH.

**Câu 4:** Cho CTHH của nguyên tố R (R là phi kim) với hidro là H2R và CTHH của kim loại M (hóa trị không đổi) với oxi là M2O3. CTHH tạo bởi M và R là:

1. MR B. M2R C. M3R2 D. M2R3

**Câu 5:** Khí cacbonic nặng gấp bao nhiêu lần khí hidro?

A. 44 lần B. 22 lần C. 29 lần D. 14 lần

**Câu 6:** Hợp chất P2O5 có tên gọi là:

A. điphotpho oxit B. photpho oxit C. điphotpho tri oxit D. điphotpho penta oxit

**Câu 7:** Natri hidoxit (xút ăn da) có công thức hóa học là:

A. Na2O B. NaOH C. NaCl D. NaHCO3

**Câu 8:** Chất nào sau đây tác dụng được với dung dịch HCl tạo ra muối?

A. SO3 B. SiO2 C. NO D. CuO

**Câu 9:** Bazơ tan và không tan có tính chất hoá học chung:

1. Làm quỳ tím hoá xanh. B. Tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước.

C.Tác dụng với axit tạo thành muối và nước. D. Bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxit bazơ và nước.

**Câu 10:** Dãy hợp chất nào sau đây đều là hidrocacbon?

A.CH4 ,C2H6, C2H6O B. C2H2 , C3H4 , C2H6

C. C2H4Br2, C2H6, CaCO3 D. HCl, C2H5OH , C2H2

**Câu 11:** Nicotin là một chất độc và gây nghiện, có nhiều trong cây thuốc lá. Thành phần % về khối lượng của các nguyên tố tron nicotin như sau: 74,07%C; 17,28% N; 8,64% H. Khối lượng mol phân tử của nicotin là 162 g/mol. Công thức hóa học của nicotin là:

A. C5H7N B . C11H16N C. C10H14N2 D. C9H12N3

**Câu 12:** Dùng quì tím để phân biệt được cặp chất nào sau đây:

A. Dung dịch HCl và dung dịch KOH. B. Dung dịch HCl và dung dịch H2SO4.

C. Dung dịch Na2SO4 và dung dịch NaCl. D. Dung dịch NaOH và dung dịch KOH.

**Câu 13:** Trong 100 ml rượu 45o có chứa:

A. 45 ml nước và 55 ml rượu etylic. B. 45 ml rượu etylic và 55 ml nước.

C. 45 gam rượu etylic và 55 gam nước. D.45 gam nước và 55 gam rượu etylic.

**Câu 14:** Tính chất nào sau đây là tính chất hóa học chung của phi kim?

A. Phản ứng với kim loại C. Phản ứng với bazơ.

B. Phản ứng với axit. D. Phản ứng với oxit.

**Câu 15:** Cách nào sau đây phù hợp khi pha loãng H2SO4 đặc?

1. Cho từ từ nước vào H2SO4 đặc. B. Cho từ từ H2SO4 đặc vào nước.

C. Đổ thật nhanh H2SO4 đặc vào nước. D. Đổ thật nhanh nước vào H2SO4 đặc.

**Câu 16:** Cặp chất **không tồn tại** trong một dung dịch:

A. MgCl2 và Ba(NO3)2 B. CuSO4 và NaCl C. CuSO4 và KOH D. AlCl3 và Mg(NO3)2

**Câu 17:** Hòa tan 2,24 lít khí HCl (đktc) vào nước thu được 200ml dung dịch X. Nồng độ mol của HCl trong dung dịch X là:

A.0,5M B. 0,0005M C.0,75M D.0,0112M

**Câu 18:** Cho sơ đồ phản ứng: X + H2O $→$ C2H5OH. X là chất nào sau đây?

A. C2H4 B. C2H6 C. CH4 D. C2H2

**Câu 19:** Thuốc thử dùng để phân biệt rượu etylic và axit axetic là:

A. Nước B. Na C. K D. Quỳ tím

**Câu 20:** Cho các chất sau:CH3 – CH= CH2 ; CH$≡$CH ; CH3 – CH3; CH3 – CH2 – CH3. Số chất làm mất màu dung dịch brom là:

1. 1 B. 2 C.3 D. 4

**Câu** **21**: Cho 10 gam hỗn hợp gồm Al và Cu vào dung dịch HCl dư thấy thoát ra 6,72 lít khí hidrô (ở đktc). Phần trăm của Al trong hỗn hợp là :

A.81 % B.54 % C.27 % D.40 %

**Câu 22**: Thể tích không khí (đktc) cần dùng để đốt cháy hoàn toàn 6,9 gam rượu etylic là (coi oxi chiếm 20% thể tich không khí)

1. 33,6 lít B. 50,4 lít C. 44,8 lít D. 10,08 lít

**Câu 23:** Cho 10g hỗn hợp X gồm Fe2O3 và Fe tác dụng với dung dịch H2SO4 loãng dư, sau phản ứng thu được 0,672 lít khí H2 (đktc). Khối lượng của Fe trong hỗn hợp X là:

1. 8,32g B. 1,12g C. 1,28g D. 1,68g.

**Câu 24:** Trên đĩa cân A đặt cốc 1 đựng dd Na2CO3, cốc 2 đựng dung dịch HCl. Đặt lên đĩa cân B các quả cân sao cho cân thăng bằng. Đổ cốc 1 sang cốc 2. Hỏi 2 đĩa cân ở trạng thái nào?

A. Vẫn thăng bằng B. Lệch về phía đĩa cân A (đĩa A nặng hơn)

C. Lệch về phía đĩa cân B (đĩa B nặng hơn) D.Lúc đầu lệch một bên sau trở lại thăng bằng

**Câu 25:** Hợp chất hữu cơ Y vừa tác dụng với Na, vừa tác dụng với dung dịch NaOH. Công thức nào sau đây phù hợp với tính chất của Y?

1. H2O B. C2H5OH C. CH3COOC2H5 D. CH3COOH.

**Câu 26:** Cho 200 ml dung dịch CH3COOH 1M tác dụng vừa đủ với kim loại Mg, thu được V lít khí H2 (đktc). Giá trị của V là:

1. 4,48 B. 2,24 C. 1,12 D. 3,36

**Câu 27**: Thể tích dung dịch NaOH 0,5M cần dùng để trung hòa 25 ml dung dịch CH3COOH 1M là:

1. 50ml B. 12,5 ml C. 25 ml D. 75 ml

**Câu 28**: Cho các chất có công thức cấu tạo thu gọn như sau: C2H5OH, CH3COOH, CH3COOC2H5, HCOOH, CH3 –O – CH3. Số chất có phản ứng với kim loại Na là:

1. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 29:** Pha dung dịch chứa 1 g NaOH với dung dịch chứa 1 g HCl sau phản ứng thu được dung dịch có môi trường:

A. Axít . B. Trung tính. C. Bazơ. D. Không xác định.

**Câu 30:** Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế khí X bằng cách cho dung dịch Y tác dụng với chất rắn Z. Khí X có thể là khí nào dưới đây?



1. H2
2. O2
3. Cl2
4. SO2

**Câu 31:** Cho 4,6g Na tác dụng vừa đủ với V ml rượu etylic ( D = 0,8g/ml). Giá trị của V là:

1. 9,20 B. 11,50 C. 77,36 D. 18,6

**Câu 32:** Trong dạ dày người có một lượng axit HCl ổn định và axit này có tác dụng trong quá trình tiêu hoá thức ăn. Vì lí do nào đó lượng axit này tăng lên sẽ gây nên hiện tượng đau dạ dày. Muối nào sau đây được dùng làm thuốc chữa đau dạ dày ?

 A. CaCO3. B. NaCl. C. NaHCO3. D. KNO3.

**Câu 33:** Hoà tan hết 7,2g một kim loại ( hoá trị II) bằng dung dịch H2SO4 loãng thu được 6,72 lít khí H2 (đktc). Kim loại này là:

 A. Zn B. Fe C. Ca D. Mg

**Câu 34**: Hòa tan 27,6gam hỗn hợp gồm bột Zn và ZnO trong dung dịch HCl dư, sau phản ứng người ta thu được 6,72 lít khí H2 (đktc). Khối lượng ZnO trong hỗn hợp ban đầu là:

1. 8,1 B. 19,5 C. 24,3 D. 21,1

 **Câu 35**: Biết:

- Khí X rất độc, không cháy, hoà tan trong nước, nặng hơn không khí và có tính tẩy màu.

- Khí Y rất độc, cháy trong không khí với ngọn lửa màu xanh sinh ra chất khí làm đục nước vôi trong.

- Khí Z không cháy, nặng hơn không khí, làm đục nước vôi trong.

X, Y, Z lần lượt là:

A. Cl2, CO, CO2. B. Cl2, SO2, CO2. C. SO2, H2, CO2. D. H2, CO, SO2.

**Câu 36**: Cho 100 gam hỗn hợp gồm 2 kim loại Fe, Cu vào dung dịch CuSO4 dư sau phản ứng thấy khối lượng chất rắn thu được tăng thêm 4 gam so với ban đầu . Vậy % khối lượng của Cu trong hỗn hợp ban đầu là :

 A. 100% B. 72% C. 32% D. 28%

**Câu 37:** Một loại đá vôi chứa 85% CaCO3. Nung 20g loại đá vôi nói trên (hiệu suất phản ứng 90%), thu được m g CaO. Giá trị m là:

1. 11,20 B. 9,2520 C. 10,858 D. 8,568

**Câu 38**: Hóa trị cao nhất của nguyên tố Y với oxi là Y2O5. Trong hợp chất của Y với hiđro thì Y chiếm 91,18% theo khối lượng. Tên của Y là nguyên tố nào sau đây?

 A. Clo B. Photpho C. Nitơ D. lốt

**Câu 39:** Cho m (g) hỗn hợp gồm Mg(OH)2, Cu(OH)2,NaOH tác dụng vừa đủ với 500ml dung dịch HCl 1M tạo thành 30,5 g muối clorua. Giá trị của m là:

1. 21,25 B. 19,5 C. 18,75 D.16,5

**Câu 40**: Đốt a gam C2H5OH thu được 0,2 mol CO2. Đốt b gam CH3COOH thu được 0,2 mol CO2. Cho a gam C2H5OH tác dụng với b gam CH3COOH có xúc tác là H2SO4 đặc (giả sử hiệu suất phản ứng là 100%) thu được c gam este. c có giá trị là:

A. 4,4 g B. 8,8 g C. 13,2 g D. 17,6 g

**Cho: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5;**

**Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108**

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**MÃ ĐỀ 001**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2A | 3B | 4C | 5C | 6A | 7C | 8C |
| 9A | 10D | 11D | 12C | 13A | 14B | 15D | 16B |
| 17A | 18A | 19B | 20C | 21A | 22D | 23A | 24C |
| 25A | 26A | 27B | 28A | 29A | 30C | 31C | 32B |
| 33B | 34A | 35D | 36B | 37A | 38B | 39C | 40B |

**MÃ ĐỀ 002**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2B | 3B | 4D | 5B | 6D | 7B | 8D |
| 9B | 10B | 11C | 12A | 13B | 14A | 15B | 16C |
| 17A | 18A | 19D | 20B | 21B | 22B | 23D | 24C |
| 25D | 26B | 27A | 28B | 29A | 30A | 31B | 32C |
| 33D | 34A | 35A | 36B | 37D | 38B | 39A | 40B |

 GV ra đề: Nguyễn Thị Hồng Gấm